TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 10-3-2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà:* Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn Anh là: Ông Lâm Văn Tỷ - sinh năm 1980, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch G. Người đại diện theo ủy quyền lại là: Ông Nguyễn Thành N - sinh năm 1967, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Châu Cẩm H - sinh năm 1980 và ông Lê Thanh S - sinh năm 1979 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Thành N trình bày: Vào ngày 27/6/2016 ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G vay số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 1114/16/HĐTD/1011-0861 ngày 27/6/2016 và ngày giải ngân là 29/6/2016; Mục đích vay: Trồng lúa và trồng tiêu; Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 29/6/2017; Lãi suất trong hạn: 12,6% tháng; Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại Ngân hàng K công biên độ 3,78%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng Kiên Long (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Đồng thời, ông S và bà H có làm hợp đồng thế chấp tài sản số 1114/16/HĐTC-BĐS/1011-0861 ngày 27/6/2016 là 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số BE 075442, tờ bản đồ số 4, thửa số 545, diện tích là 4.560m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011 và giấy CNQSD đất số BE 075441, tờ bản đồ số 4, thửa số 544, diện tích là 5.500m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011, cùng tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K do ông S, bà H đứng tên trên giấy. Từ khi vay đến nay ông S, bà H có trả được 22.000.000 đồng vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Sau đó, ngừng không trả vốn và lãi đến nay. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn trên 03 năm.

Nguyện vọng: Ngân hàng TMCP K - phòng giao dịch G yêu cầu ông S và bà H trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi là tạm tính đến ngày 10/3/2021 là 280.402.900 đồng (trong đó: Nợ gốc 148.000.000đ, lãi trong hạn 21.777.000đ và lãi quá hạn 110.625.900đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1114/16/HĐTD/1011-0861 ngày 27/6/2016 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 7.589.285 đồng ông Nguyễn Thành N là người đại theo ủy quyền lại xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi và yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử.

Đối với bị đơn ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông S và bà H không có mặt ở địa phương được chính quyền địa phương xác nhận ông S, bà H bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông S và bà H vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông bà trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn vắng mặt tại phiên

tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 10/3/2021 là 280.402.900 đồng(trong đó: Nợ gốc 148.000.000đ, lãi trong hạn 21.777.000đ và lãi quá hạn 110.625.900đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1114/16/HĐTD/1011-0861 ngày 27/6/2016 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 7.589.285 đồng thì tại phiên tòa người đại theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành N xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử số tiền phạt chậm trả lãi này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H thực hiện giao dịch với Ngân hàng ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú. Hiện nay ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Thanh S, bà Châu Cẩm H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 10/3/2021 thì ông S và bà H còn nợ tiền lãi là 132.402.900 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông S, bà H phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 10/3/2021 là 280.402.900đ (hai trăm tám mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn chín trăm đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số 1114/16/HĐTD/1011-0861 ngày 27/6/2016 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông S và bà H không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông S và bà H đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông S và bà H phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1114/16/HĐTC-BĐS/1011-0861 ngày 27/6/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long với ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số BE 075442, tờ bản đồ số 4, thửa số 545, diện tích là 4.560m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011 và giấy CNQSD đất số BE 075441, tờ bản đồ số 4, thửa số 544, diện tích là 5.500m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011, cùng tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K do ông S, bà H đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông S, bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần Ksố tiền là 7.589.285 đồng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại là ông Nguyễn Thành Năm xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

[6] Đối với ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà ông S và

bà H tống đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho ông S và bà H trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông S và bà H không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông bà. Từ đó, cho thấy ông S và bà H đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông S và bà H theo qui định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và chấp nhận rút một phần yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G đã nộp là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005056 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

Ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H phải nộp án phí là: 280.402.900đ x 5% = 14.020.145đ làm tròn là 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tóa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H.

Buộc bà ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền là 280.402.900đ (hai trăm tám mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn chín trăm đồng), gồm có số tiền nợ gốc là 148.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 132.402.900 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1114/16/HĐTD/1011-0861 ngày 27/6/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 1114/16/HĐTD/1011-0861 ngày 27/6/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo 02 giấy CNQSD đất gồm: Giấy CNQSD đất số BE 075442, tờ bản đồ số 4, thửa số 545, diện tích là 4.560m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011 và giấy CNQSD đất số BE 075441, tờ bản đồ số 4, thửa số 544, diện tích là 5.500m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011, cùng tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K do ông S, bà H đứng tên trên giấy để thu hồi nợ.

Khi ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có nghĩa vụ trả lại 02 giấy CNQSD đất: Giấy CNQSD đất số BE 075442, tờ bản đồ số 4, thửa số 545, diện tích là 4.560m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011 và giấy CNQSD đất số BE 075441, tờ bản đồ số 4, thửa số 544, diện tích là 5.500m^2, được UBND huyện G cấp ngày 22/4/2011, cùng tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh K cho ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long đối với ông Lê Thanh San và bà Châu Cẩm H.

2. Án phí DSST là: 14.020.000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), buộc ông Lê Thanh S và bà Châu Cẩm H phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G được nhận lại số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005056 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 10/3/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh